ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1394/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 24 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện Đề án Kiên cố hoá hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 914/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 về phê duyệt danh mục, khối lượng các công trình kiên cố hoá hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn tỉnh, đợt 1; số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022; số 271/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về điều chỉnh một số nội dung tại các biểu kèm theo Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp giao ban thường kỳ ngày 16/5/2022 và đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 1203/SGTVT-KCHT ngày 29/4/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 80/TTr-SKHĐT ngày 05/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 cho UBND các huyện, thị xã, tổng số tiền: 100.000.000.000 đồng *(Một trăm tỷ đồng)*, từ nguồn thu tiền sử dụng đất chưa phân bổ trong kế hoạch đầu tư năm 2022, để thực hiện Đề án Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; trong đó:

- Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH): 45.000.000.000 đồng.
- Giao thông nông thôn (GTNT): 55.000.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện, thị xã có tên tại Phụ lục chịu trách nhiệm:

Quản lý, sử dụng kế hoạch vốn được giao đúng mục đích, hiệu quả; giải ngân kế hoạch vốn theo đúng thời hạn và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

Triển khai thực hiện đúng danh mục theo Đề án phê duyệt và danh mục đã báo cáo đăng ký cho Sở Giao thông vận tải. Trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình theo hướng giảm quy mô đầu tư, báo cáo Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, điều chỉnh nguồn vốn hỗ trợ theo đúng quy định về nguồn vốn và quản lý xây dựng các công trình thuộc Đề án

Bố trí đủ nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện đối ứng và triển khai thực hiện các công trình theo quy định của Đề án, không để phát sinh nợ đọng.

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện đảm bảo đúng danh mục theo Đề án được duyệt, danh mục đã thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt và tham mưu UBND tỉnh xem xét giải quyết các phát sinh liên quan (nếu có).

3. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định..

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã có tên tại Phụ lục kèm theo và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và các phòng CV;
- Lưu: VT,TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 1394 /QĐ-UBND ngày 24 / 5 /2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	UBND huyện, thị xã	Lũy kế vốn ngân sách tỉnh đã bố trí đến hết năm 2021			Kế hoạch vốn phân bổ năm 2022		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH)	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT)		Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH)	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT)
	TỔNG SỐ	**170.000**	**110.000**	**60.000**	**100.000**	**45.000**	**55.000**
1	Điện Bàn	12.413	7.313	5.100	2.510	-	2.510
2	Đại Lộc	10.891	6.630	4.261	7.289	3.120	4.169
3	Duy Xuyên	10.769	6.895	3.874	9.440	4.250	5.190
4	Quế Sơn	11.318	7.379	3.939	5.654	1.630	4.024
5	Nông Sơn	8.822	7.143	1.679	5.543	3.518	2.025
6	Thăng Bình	14.309	10.404	3.905	6.734	4.957	1.776
7	Núi Thành	15.050	9.571	5.479	11.515	5.800	5.715
8	Phú Ninh	7.717	4.554	3.163	5.877	2.143	3.734
9	Hiệp Đức	8.939	6.307	2.632	2.311	555	1.756
10	Tiên Phước	17.103	9.328	7.775	10.274	3.960	6.314
11	Bắc Trà My	7.113	4.185	2.928	4.416	2.464	1.952

TT	UBND huyện, thị xã	Lũy kế vốn ngân sách tỉnh đã bố trí đến hết năm 2021			Kế hoạch vốn phân bổ năm 2022		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH)	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT)		Kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH)	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nông thôn (GTNT)
12	Nam Trà My	7.347	4.425	2.922	1.948	-	1.948
13	Phước Sơn	9.951	7.176	2.775	5.794	2.799	2.996
14	Nam Giang	9.855	6.331	3.524	6.701	2.885	3.816
15	Đông Giang	9.583	6.859	2.724	7.525	4.801	2.724
16	Tây Giang	8.821	5.500	3.321	6.469	2.118	4.351